

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/12

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
Sản phẩm: **Adipic Acid - G**

Phiên bản: 5.1

(30042497/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
Adipic Acid - G

Sử dụng được đề xuất: cho quá trình sản xuất homopolymerisates và copolymerisates, sản phẩm ban đầu cho quá trình tổng hợp hoá học
Không nên sử dụng: phụ gia thực phẩm

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:
Thương tổn mắt/ kích ứng mắt nghiêm trọng: Cat.1
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.3

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
Sản phẩm: **Adipic Acid - G**

Phiên bản: 5.1

(30042497/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025



Cảnh báo:
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ:

H318

Gây thương tổn mắt nghiêm trọng.

H402

Nguy hại đối với sinh vật thủy sinh.

Biện pháp phòng ngừa:

P280

Trang bị bảo vệ mắt/ mặt.

P273

Tránh thải vào môi trường.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P305+P351+P338

NẾU VẮNG VÀO MẮT: Rửa sạch cẩn thận với nước trong vài phút.
Tháo kính sát trùng, nếu có và thực hiện nhẹ nhàng. Tiếp tục rửa sạch.
Ngay lập tức liên hệ với Trung Tâm Chất Độc hay bác sĩ.

P310

Lưu ý khi thải bỏ:

P501

Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải
nguy hại hay đặc biệt.

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Không có các mối nguy hiểm cụ thể, nếu xem xét các quy định/lưu ý về cất trữ và xử lý.

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

adipic acid

Số CAS: 124-04-9

Thành phần nguy hại

adipic acid

Hàm lượng (W/W): $\geq 75\%$ - $\leq 100\%$

Số CAS: 124-04-9

Eye Dam./Irrit.: Cat. 1
Aquatic Acute: Cat. 3

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:

Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
Sản phẩm: **Adipic Acid - G**

Phiên bản: 5.1

(30042497/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

Nếu hít phải:

Nếu cảm thấy khó chịu sau khi hít phải bụi, di chuyển ra nơi có không khí trong lành và gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:

Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:

Ngay lập tức rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước chảy và mở to mí mắt, tham khảo ý kiến chuyên gia mắt.

Khi nuốt phải:

Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11., Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

Phun nước, bột khô, bột, cacbon dioxide

Những mối nguy hiểm cụ thể:

Không có chứa các thành phần nguy hại.

Thông tin bổ sung:

Thu gom nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất riêng biệt, không được đến gần các hệ thống cống rãnh hay nước thải.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Tránh bụi. Các nguồn phát sinh tia lửa điện nên được giữ thông thoáng. Sử dụng mặt nạ thở nếu phải tiếp xúc với hơi/bụi/sol khí hoá chất. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8.

Cảnh báo môi trường:

Tránh thải vào môi trường. Không đổ xuống cống rãnh Thu gom và thải bỏ nước rửa nhiễm hoá chất.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
Sản phẩm: **Adipic Acid - G**

Phiên bản: 5.1

(30042497/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng lớn: Dọn sạch/ xúc sạch. Thải bỏ vật liệu nhiễm bẩn hoá chất theo quy định

Cho phần còn lại: Rửa sạch với nước.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Tránh tiếp xúc với da và mắt
Mặc quần áo bảo hộ lao động và đeo thiết bị bảo vệ mắt/ mặt phù hợp Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

Phòng chống cháy nổ:

Tránh bụi. Sản phẩm có thể nổ bụi. Các nguồn phát sinh tia lửa điện nên được giữ thông thoáng.

Lưu ý biện pháp phòng ngừa mạch tĩnh điện.

Loại bụi nổ: Nổ bụi loại 1 (Kst - Giá trị từ 200 đến 300 bar m s-1)..

Hướng dẫn bảo quản

Cách ly với các chất kiềm và các chất kiềm hóa.

Những vật liệu thích hợp cho thùng chứa: Thép không gỉ 1.4401, Thép không gỉ 1.4301 (V2), nhôm,
Thủy tinh được thêm chất dẻo (GRP), giấy, Nhựa tổng hợp tỷ trọng cao HDPE, kính, Nhựa tổng hợp
tỷ trọng thấp LDPE

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Các thùng chứa nên được đóng kín ở nơi khô ráo.

Tính ổn định lưu trữ:

Đóng cục.

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

adipic acid, 124-04-9;

Giá trị TWA 5 mg/m³ (ACGIHTLV)Thiết bị bảo hộ cá nhânBảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp nếu có thể hít phải các sol khí/bụi được hình thành. Bộ lọc hạt có hiệu suất thấp đối với các hạt rắn (vd. EN 143 hay 149, Loại P1 hay FFP1)

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ chống hóa chất (EN ISO 374-1)

cao su butil - bề dày lớp phủ 0.7 mm

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
 Sản phẩm: **Adipic Acid - G**

Phiên bản: 5.1

(30042497/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Cởi bỏ tất cả quần áo nhiễm bẩn hoá chất ngay lập tức Vào cuối ca rửa sạch da và xoa các chất chăm sóc da.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	kết tinh	
Màu sắc:	Màu trắng	
Mùi:	không mùi	
Ngưỡng mùi:	Không có sẵn các dữ liệu.	
Giá trị pH:	2.7 (23 g/l, 25 °C)	(pH kế)
pKA:	3.2 (10 g/l) 4.43 (20 °C)	
Điểm nóng chảy:	150.85 °C	(Chỉ thị 92/69/EEC, A.1)
Điểm sôi:	337.5 °C (1,013 hPa) Dữ liệu tài liệu.	
Điểm thăng hoa:	Chưa có thông tin thực nghiệm.	
Điểm chớp cháy:	196 °C Dữ liệu tài liệu.	(cốc kín)
Tốc độ bay hơi:	Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không dễ cháy cao	(Chỉ thị 92/69/EEC, A. 10)
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Không có sẵn các dữ liệu.	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Không có sẵn các dữ liệu.	
Nhiệt độ tự cháy:	405 °C	(DIN 51794)
Phân huỷ do nhiệt:	Không có sẵn các dữ liệu.	
Tự bắt cháy:	không tự cháy	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng
	Nhiệt độ: > 400 °C	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ cao (Phương pháp: Chỉ thị 92/69/EEC, A.16)
Khả năng tự gia nhiệt:	Chất không có khả năng tự gia nhiệt.	
Năng lượng đánh lửa tối thiểu:	10 - 30 mJ	(DIN EN 13821)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
 Sản phẩm: **Adipic Acid - G**

Phiên bản: 5.1

(30042497/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

Nguy cơ nổ:	Sản phẩm không có khả năng nổ, tuy nhiên bụi nổ có thể hình thành từ hỗn hợp bụi-khí. (Chỉ thị 92/69/EEC, A.14)
Những đặc tính làm tăng cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.
Áp suất hơi:	0.097 hPa (18.5 °C) Dữ liệu tài liệu.
Tỷ trọng:	1.36 g/cm ³ (25 °C) Dữ liệu tài liệu.
Tỷ trọng tương đối:	1.36 (25 °C) Dữ liệu tài liệu.
Tỷ trọng thể tích/mật độ khối:	tương đương 700 kg/m ³
Tỷ trọng hơi (không khí):	Không có sẵn các dữ liệu.
Tính tan trong nước:	Dữ liệu tài liệu. 23 g/l (25 °C)
Độ hoà tan (định tính) (các dung môi):	các dung môi hữu cơ hoà tan
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	0.093 (được đo lường) (25 °C; Giá trị pH: 3.3)
Hấp thụ/nước - đất:	KOC: 1.61; biểu đồ KOC: 0.21 (được tính toán)
Sức căng bề mặt:	Dựa trên cấu trúc hóa học, không có khả năng có bề mặt hoạt tính.
Tính nhớt, động lực:	Không có sẵn các dữ liệu.
Tính nhớt, động học:	Không có sẵn các dữ liệu.
Khối lượng mol:	146.14 g/mol

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Tránh bụi. Tránh lắng bụi. Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt: Không có sẵn các dữ liệu.

Những chất cần tránh:
 các chất phản ứng với kiềm

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
Sản phẩm: **Adipic Acid - G**

Phiên bản: 5.1

(30042497/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

Sự ăn mòn kim loại: Không ăn mòn kim loại

Những phản ứng nguy hiểm:

Phản ứng với hợp chất bazơ tạo nhiệt. Bụi nổ nguy hại.

Những sản phẩm phân hủy do nhiệt độ:

Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện., Quá trình đốt không hoàn toàn hình thành các khí độc, thành phần chính là CO và CO₂.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

Độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD₅₀chuột (miệng): tương đương 5,560 mg/kg (Thí nghiệm BASF)

Độc cấp tính khi hít phải

LC₅₀ chuột (bằng cách hít phải): > 7.7 mg/l 4 h (Thí nghiệm BASF)

Thí nghiệm sol khí.

Độc cấp tính trên da

LD₅₀ thỏ (da): > 7,940 mg/kg

Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc khi hít phải. Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da.

Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Không gây kích ứng da. Có thể gây tổn thương nghiêm trọng cho mắt.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng (Thí nghiệm BASF)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: tổn thương không thể thay đổi được (OECD hướng dẫn 405)

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

Tác dụng mẫn cảm da đã không được theo dõi trong nghiên cứu động vật. Bao gồm tác dụng mẫn cảm trên các cá nhân đặc biệt nhạy cảm.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
Sản phẩm: **Adipic Acid - G**

Phiên bản: 5.1

(30042497/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
chuột lang: Không làm mất cảm.

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:
Chất không gây đột biến trên tế bào động vật có vú. Không phát hiện tác động gây biến đổi gen nào trong các thí nghiệm trên vi khuẩn và động vật có vú.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:
Không phát hiện tác nhân gây ung thư trong các nghiên cứu lâu dài trên động vật bằng cách cho hoá chất nồng độ cao vào trong thức ăn.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:
Không phát hiện ảnh hưởng đối với các cơ quan sinh sản qua những nghiên cứu lâu dài trên động vật.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:
Không chỉ số nào về tác dụng gia tăng độc tính/ gây quái thai được nhìn nhận trong các nghiên cứu trên động vật.

Độc độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Độc độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:
Việc hấp thu qua miệng nhiều lần một chất không phải là nguyên nhân tác động của nhiều chất liên quan.

Nguy cơ khi hít vào

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Độc với loài cá:
LC0 (96 h) \geq 1,000 mg/l, *Brachydanio rerio* (, tính điện)
Giá trị danh nghĩa (xác định bằng việc phân tích kiểm soát nồng độ)

Loài không xương sống thủy sinh:
LC50 (48 h) 46 mg/l, *Daphnia magna* (Hướng dẫn OECD 202, phần 1)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
Sản phẩm: **Adipic Acid - G**

Phiên bản: 5.1

(30042497/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

Nồng độ danh nghĩa.

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) 64.5 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Pseudokirchneriella subcapitata* (Hướng dẫn OECD 201, tính điện)

Nồng độ danh nghĩa.

Nồng độ tác động không quan sát được (72 h) 40.6 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Pseudokirchneriella subcapitata* (Hướng dẫn OECD 201, tính điện)

Nồng độ danh nghĩa.

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC50 (3 h) > 100 mg/l, bùn hoạt tính (Hướng dẫn OECD 209, hiếu khí)

Độc mãn tính cho loài cá:

Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

Nồng độ tác động không quan sát được (21 d), 6.3 mg/l, *Daphnia magna* (OECD Hướng dẫn 211)

Nồng độ danh nghĩa.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:

Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

Tính bền và tính biến chất

Thông tin bị đào thải:

83 % BOD của ThOD (30 d) (OECD 301D; EEC 92/69, C.4-E) (hiếu khí, chất thải sinh hoạt)

Dữ liệu tài liệu.

Đánh giá tính ổn định trong nước:

Dựa vào thuộc tính cấu trúc, sự thủy phân không chắc chắn xảy ra.

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Bởi vì hệ số tích lũy giữa n-octanol/nước trong sinh khối là không hoàn toàn bình thường.

Khả năng tích lũy sinh học:

Yếu tố nồng độ sinh học: 3.16 (được tính toán)

Không có khả năng tích lũy trong sinh khối.

Thông tin bổ sung

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:

Không thải chất chưa được xử lý vào môi trường nước tự nhiên.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
 Sản phẩm: **Adipic Acid - G**

Phiên bản: 5.1

(30042497/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Đốt trong các nhà máy đốt chất thải đạt chuẩn, tuân thủ quy định của chính quyền địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:

Vỏ bao bì không thể làm sạch nên được thải bỏ giống phương thức xử lý vỏ bao bì nhiễm bẩn.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Ô nhiễm hàng hải: không
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Sea transport

IMDG	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Not applicable
	Marine pollutant: no
Special precautions for user	None known

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
 Sản phẩm: **Adipic Acid - G**

Phiên bản: 5.1

(30042497/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

Vận tải hàng không

IATA/ICAO

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: Không áp dụng

Nhóm đóng gói: Không áp dụng

Mối nguy hiểm về môi trường: Không áp dụng

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Chưa có thông tin

Air transport

IATA/ICAO

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID number: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es): Not applicable

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable

Special precautions for user None known

15. Thông tin về pháp luật**Những quy định khác**

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
Sản phẩm: **Adipic Acid - G**

Phiên bản: 5.1

(30042497/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

như trong Phụ lục I của Chỉ thị 67/548/EEC

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Những hàng trắng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.